TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC QUANG** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30-01-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hà Tuấn Vĩnh .**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Lam.**

Ông **Nguyễn Hồng Diện.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lăng Đức Lan** - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà **Hà Thị thuỷ** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2023 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2024/QĐST-DS, ngày 15 tháng 01 năm 2024, giữa:

- ***Nguyên đơn:*** Anh Đinh Seo X. sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn K, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- Bị đơn: Chị Vàng Thị S, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn K, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; vắng mặt lần 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và tại phiên tòa anh Đinh Seo X trình bày: Anh và vợ anh chị là chị Vàng Thị S tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 29/4/2009 tại UBND xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, mỗi người một quan điểm sống khác nhau, vợ chồng không có sự động viên chia sẻ, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên can thiệp hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Hiện tại anh thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, có níu kéo cũng không hạnh phúc nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vàng Thị S theo quy định.

Về nuôi con chung: Vợ chồng anh 02 con chung là cháu Đinh Quang H, sinh ngày 06/9/2005 và cháu Đinh Quang T, sinh ngày 26/9/2007. Khi ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi cháu T cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi và anh không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng cháu H đã đủ 18 tuổi nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh X, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Vàng Thị S vắng mặt, chị S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, không nộp bản tự khai và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan trong vụ án cho Tòa án. Tòa án đã gửi thông báo thụ lý và giấy triệu tập cho chị S, yêu cầu chị S đến Tòa án để tham gia tố tụng, nhưng chị S đều vắng mặt. Tòa án cũng đã trực tiếp giao các văn bản tố tụng của Toà án cho trưởng thôn và mẹ đẻ chị S là bà Phù Thị D, bà Phù Thị D cũng đã thông báo cho chị S về việc anh Đinh Seo X làm đơn ly hôn chị S và gửi các văn bản tố tụng cũng như giấy triệu tập của Tòa án cho chị S đến Tòa án để lấy lời khai và tham gia hòa giải, chị S đã nhận văn bản tố tụng của Toà án thông qua trưởng thôn, nhưng chị S vẫn vắng mặt không có lý do. Chị Vàng Thị S, tại phiên tòa vắng mặt lần hai không có lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ. Do đó, Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang với mẹ đẻ chị S là bà Phù Thị D và trưởng thôn, chính quyền địa phương nơi chị S, anh X cư trú phản ánh về tình trạng hôn nhân của chị Vàng Thị s và anh Đinh Seo X như sau: Chị Vàng Thị s và anh Đinh Seo X tìm hiểu và xây dựng gia đình từ năm 2009, trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn vào ngày 29/4/2009 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn K, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì sảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hoà hợp, thường xảy ra cãi xô xát, cãi vã nhau, gia đình đã can thiệp hoà giải nhưng không có kết quả, anh X và chị S sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng anh X, chị S không còn quan tâm đến nhau, chị S đi làm thuê nay đây mai đó, lúc về lúc đi đều không báo cáo chính quyền địa phương; về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Đinh Quang H, sinh ngày 06/9/2005 và cháu Đinh Quang T, sinh ngày 26/9/2007, hiện con chung đang ở cùng anh X, các con anh X, chị S ở với anh X đều được anh X lo cho cuộc sống đi học đầy đủ. Quá trình chung sống anh chị không tạo lập được tài sản gì có giá trị. Anh chị đều là lao động tự do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án thu thập chứng cứ chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn nội dung thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự thủ tục đối với phiên phiên tòa dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ của bị

đơn về việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án quy định tại Điều 72 BLTTDS.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Seo X đối với chị Vàng Thị S về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Về con chung: Giao cháu Đinh Quang T, sinh ngày 26/9/2007 cho anh X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, chị S không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Đinh Quang H, sinh ngày 06/9/2005 đã đủ 18 tuổi nên không đề nghị xem xét.

Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

Về án phí: Anh Đinh Seo X là hộ nghèo, hộ cận nghèo, có đơn xin miễn tạm ứng án phí và án phí nên anh X được miễn án phí theo quy định..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, lời trình bày của đương sự, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án do anh Đinh Seo X có đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án. Thẩm quyền theo cấp xét xử thì Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Vàng Thị S có nơi cư trú tại Thôn K, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thẩm quyền theo lãnh thổ là Tòa án nơi bị đơn cứ trú nên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án mẹ đẻ chị S là bà Phù Thị D và trưởng thôn nơi chị S cư trú đã giao văn bản tố tụng của Tòa án cho chị S, chị S nhận văn bản tố tụng của Toà án nhưng chị S vẫn không có mặt và cũng không có ý kiến gì về việc anh X yêu cầu ly hôn. Xét thấy Toà án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn chị Vàng Thị S vắng mặt lần hai tại phiên toà không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị Vàng Thị S.

[3] Về hôn nhân: Anh Đinh Seo X và chị Vàng Thị S tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 29/4/2009 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang nên hôn nhân giữa anh X và chị S là hợp pháp.

[4] Xét tình trạng hôn nhân: Quá trình chung sống anh X và chị S phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, hai bên không có sự động viên, chia sẻ, tạo điều kiện giúp đỡ nhau trong cuộc sống, trong công việc hàng ngày. Mâu thuẫn đã thường xuyên xảy ra căng thẳng mặc dù đã được gia đình can thiệp hòa giải nhưng vẫn không sửa chữa khắc phục, không cải thiện tốt quan hệ vợ chồng, khả năng đoàn tụ không còn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Tòa án tống đạt văn bản tố tụng của Toà án hợp lệ cho chị S, nhưng chị S vẫn vắng mặt, không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của anh X. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo biên bản xác minh tại mẹ đẻ chị S và chính quyền xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang thể hiện do vợ chồng anh X, chị S không có tiếng nói chung, thời gian anh X và chị S sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Anh X xác định không còn tình cảm với chị S, vợ chồng không hòa thuận, không thể tiếp tục chung sống với nhau, anh X kiên quyết xin ly hôn. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh X không tạo điều kiện để tiếp tục chung sống. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh X thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cả hai không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh X.

[5] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung là cháu cháu Đinh Quang H, sinh ngày 06/9/2005 và cháu Đinh Quang T, sinh ngày 26/9/2007. Hiện nay anh X đang nuôi con chung, mặt khác Tòa án lấy lời khai của cháu T, cháu T mong muốn ở với anh X, anh X có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi cháu T và không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con, riêng cháu H đã đủ 18 tuổi nên anh X không yêu cầu Tòa án giải quyết. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu T và đảm bảo sự ổn định về chỗ ở, học tập của cháu T, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Đinh Quang T, sinh ngày 26/9/2007 cho anh D1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi; chị huê không phải cấp dưỡng nuôi con; riêng cháu Đinh Quang H, sinh ngày 06/9/2005 đã đủ 18 tuổi, anh X không yêu cầu giải quyết, do vậy Hộ đồng xét xử không đề cập giải quyết. Chị Vàng Thị S được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở chị S thực hiện quyền này

[6] Về tài sản chung, công nợ chung**:** Anh X không yêu cầu giải quyết. Do vậy HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí**:** Anh Đinh Seo X là hộ nghèo, hộ cận nghèo, có đơn xin miễn tạm ứng án phí và án phí nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 68, Điều 69, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều

227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Đinh Seo X. Anh Đinh Seo X được ly hôn chị Vàng Thị S.

Về nuôi con chung: Anh Đinh Seo X là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đinh Quang T, sinh ngày 26/9/2007 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Chị S không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Đinh Quang H, sinh ngày 06/9/2005 đã đủ 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung anh X, chị S có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về Án phí: Anh Đinh Seo X được miễn án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định..

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân dự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Hảo (Nơi ĐKKH);
- Chi cục THA huyện Bắc Quang;
- Lưu HS-BP.

Hà Tuấn Vĩnh